

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày 11/01/2022

Về việc: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Sỹ Phác

2. Bà Hoàng Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Kim Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2021 về việc Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXX-ST ngày 03 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tô Thị Mỹ L – vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã M, huyện M, tỉnh N.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Phi H – vắng mặt

Địa chỉ: Thôn A, xã M, huyện M, tỉnh N

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 01/10/2020, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Tô Thị Mỹ L trình bày: Vào ngày 19/5/2020 chị L, anh H đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh N. Hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm, cách sống, hay cãi nhau vì những việc nhỏ nhặt trong gia đình, anh H không chăm lo cuộc sống gia đình, không khí trong gia đình ngày càng trầm trọng nên anh, chị ly thân với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Nay chị làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Phi H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thủy T, sinh ngày 16/12/2020. Khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng con chung cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết; công nợ chung không có.

- Kết quả thu thập chứng cứ: Tại biên bản xác minh ngày 15/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện M: Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị L với anh H thì chính quyền địa phương không biết vì khi xảy ra mâu thuẫn anh, chị không thông báo với chính quyền địa phương để hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Tô Thị Mỹ L. Chị Tô Thị Mỹ L được ly hôn với anh Nguyễn Phi H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thủy T, sinh ngày 16/12/2020 cho chị Tô Thị Mỹ L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi trưởng thành.

- Về tài sản và công nợ: Không có.

- Về án phí: Chị Tô Thị Mỹ L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Tô Thị Mỹ L yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Phi H, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình (ly hôn và chia tài sản chung khi ly hôn) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Phi H có đăng ký hộ khẩu tại thôn A, xã M, huyện M, tỉnh N. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Phi H, trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Phi H vắng mặt nên Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng không tiến hành hòa giải được; Ngày 03/12/2021, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã thông báo cho anh Nguyễn Phi H biết toàn bộ nội dung kết quả mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 210 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, mặc dù đã hai lần được Tòa án nhân dân huyện M triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh Nguyễn Phi H vắng mặt không có lý do chính đáng gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Mặt khác sự vắng mặt của anh Nguyễn Phi H đã không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, anh Nguyễn Phi H phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và Tòa án nhân dân huyện M tiến hành mở phiên tòa để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Phi H là phù hợp.

Chị Tô Thị Mỹ L có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn Chị Tô Thị Mỹ L.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Tô Thị Mỹ L và anh Nguyễn Phi H là hợp pháp. Trong quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ; giữa anh, chị không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L thừa nhận chị không còn tình cảm với anh H, không muốn tiếp tục chung sống với nhau nữa và muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống, hôn nhân vợ chồng không đạt được mục đích. HĐXX xét thấy, mâu thuẫn phát sinh từ lâu nhưng cả hai không tìm ra được giải pháp khắc phục. Anh, chị đã không còn tin tưởng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, hôn nhân của anh chị thật sự không đạt được mục đích. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị L và giải quyết chị L được ly hôn với anh H.

[4] Về con chung: Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”

Hiện nay cháu Nguyễn Thị Thủy T, sinh ngày 16/12/2020 đang còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc của mẹ, chị L kinh doanh, buôn bán có thu nhập ổn định hằng tháng khoảng từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng nên đủ chi phí để chăm sóc con chung. Từ những nhận định trên, HĐXX nghĩ, cần giao cháu Nguyễn Thị Thủy T, sinh ngày 16/12/2020 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là có căn cứ.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết. Trong thời gian chung sống, anh, chị không vay mượn của ai hay cho ai vay mượn tài sản gì nên không đặt ra để giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị Tô Thị Mỹ L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 227; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng điều 51, 56, 81, 82, 84 của Luật hôn nhân & gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Tô Thị Mỹ L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tô Thị Mỹ L được ly hôn với anh Nguyễn Phi H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thủy T, sinh ngày 16/12/2020 cho chị Tô Thị Mỹ L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh Nguyễn Phi H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn, chị L không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Tô Thị Mỹ L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000511 ngày 07/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh N.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- UBND xã Đức Mạnh;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Thắng

